

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
VIETFRACHT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2014

www.vietfracht.com.vn

MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT		2
	Các mốc lịch sử quan trọng	4
Tổng quan Công ty năm 2013 <i>Báo cáo của HĐQT</i> <i>Báo cáo của Ban Giám đốc</i> <i>Báo cáo của Ban Kiểm soát</i>		5 9 14 24
	Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán <i>Báo cáo của Ban Giám đốc</i> <i>Báo cáo của Kiểm toán viên</i> <i>Bảng cân đối kế toán</i> <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> <i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	28 29 31 33 35 36 37
Cơ cấu lãnh đạo Công ty <i>Thành viên HĐQT, BKS, BDH</i>		64
	Sơ đồ tổ chức của Công ty	71
Các Doanh nghiệp và Đối tác <i>Các Cty góp vốn và có vốn góp</i> <i>Các thành viên góp vốn sáng lập</i>		73
	Các đơn vị thành viên	76

TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

“Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành Công ty kinh doanh đa lĩnh vực nhưng xoay quanh cốt lõi là nghiệp vụ hàng hải, với mục tiêu hàng đầu là hiệu quả và chất lượng dịch vụ. Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo, đổi mới trong phát triển kinh doanh, hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt nhất, nhằm không ngừng tăng trưởng giá trị cổ phiếu cho cổ đông. Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo cho mọi thành viên nhằm đưa lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần”.

Thông điệp

Chủ tịch HĐQT - Mr. Trần Văn Quý



Kính thưa các quý cổ đông,

Năm 2014 thị trường vận tải biển (VTB) thế giới tiếp tục ở trong tình trạng suy thoái kéo dài, hàng hóa khan hiếm, giá cước giảm thấp, đây là nguyên nhân chính làm giảm sút kết quả kinh doanh của Công ty. Thực vậy, chỉ số giá cước BDI rơi xuống mức rất thấp, xuống dưới 900 điểm, thậm chí có thời điểm rơi xuống 724 điểm - gần điểm đáy. Năm 2014 cũng là năm đầu tiên kể từ khi thành lập, Công ty có kết quả SXKD bị lỗ, bên cạnh yếu tố khách quan là thị trường VTB, còn do năm nay Công ty không có khoản thu nhập bất thường nào từ hoạt động tái cơ cấu tài sản như các năm trước. Tuy nhiên khi phân tích, đánh giá thực chất các hoạt động SXKD chính của Công ty đều thấy có sự tiến bộ, đi lên so với năm 2013 và các năm trước. Cụ thể, mức lỗ từ hoạt động kinh doanh năm 2014 giảm còn 12,38 tỷ đồng so với năm 2013 (lỗ 28,73 tỷ đồng). Đây là sự cố gắng rất lớn của Ban lãnh đạo và người lao động trong Công ty.

Năm qua, Công ty có sự thay đổi lớn về nhân sự cấp cao với việc TGD kiêm UV HĐQT, 01 UV HĐQT và 01 TV BKS cùng có đơn xin từ nhiệm ngay trước ĐHĐCĐ thường niên 2014. Ngay sau khi được ĐHĐCĐ phê chuẩn việc bổ nhiệm TGD mới và bầu bổ sung nhân sự mới cho HĐQT và BKS, các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành và BKS nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định.

Thị trường hàng hải thế giới nửa đầu năm 2015 vẫn rất khó khăn. Giá dầu thế giới giảm nhưng giá cước còn giảm mạnh hơn. Chỉ số BDI tiếp tục xuống thấp và đã đạt điểm đáy mới là 509 điểm vào ngày 19/02/2015 vừa qua. Do vậy mục tiêu đặt ra trong năm 2015 là phấn đấu giảm lỗ trong kinh doanh vận tải biển; tiếp tục phát huy và nâng cao hiệu quả các mảng kinh doanh dịch vụ logistics; thực hiện tái cơ cấu đội tàu ngay khi tìm được cơ hội.

Với việc TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã và đang thực hiện việc thoái vốn, trong năm 2015 sẽ có sự thay đổi cơ bản về cơ cấu chủ sở hữu của Công ty. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Công ty trong xu thế hội nhập phát triển phù hợp với cơ chế thị trường. Với truyền thống về vang trên 50 năm hoạt động, tôi tin tưởng rằng Công ty Vietfracht của chúng ta sẽ vượt qua khó khăn, vững bước đi lên giai đoạn phát triển mới, tiếp tục khẳng định và nâng cao thương hiệu của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thay mặt HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht, tôi xin gửi tới các quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và lời cảm ơn chân thành vì đã đồng hành, ủng hộ Công ty trong suốt thời gian qua.

Kính chào trân trọng.

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH	THÀNH TỰU
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường biển ✓ Thuê tàu, cho thuê tàu và môi giới thuê tàu ✓ Giao nhận vận tải đường biển, hàng không, đường bộ ✓ Kinh doanh kho bãi và container ✓ Đầu tư tài chính ✓ Đại lý tàu biển 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Huân chương độc lập ✓ Đơn vị anh hùng lao động ✓ Cúp vàng doanh nghiệp ✓ Chứng chỉ ISO 9001 - 2008

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

1963	<i>“Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht” được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.</i>
1984	<i>Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành “Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht” theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ).</i>
1991	<i>Được đổi tên thành “Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht”</i>
2003	<i>Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ: Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ GTVT.</i>
2005	<i>Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty</i>
2006	<i>Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.</i>
2006	<i>Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán: VFR.</i>

TỔNG QUAN CÔNG TY NĂM 2015

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: **Công ty CP Vận tải và Thuê tàu**
Tên tiếng Anh: **Transport and Chartering Corporation**
Tên viết tắt (hay tên giao dịch): **Vietfracht**

Trụ sở chính: Số 74 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 38 228915
Fax: 04 38 228916
Website: www.vietfracht.com.vn

Mã cổ phiếu: VFR
Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0100105937 ngày 02/10/2006
Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng
Chủ sở hữu: TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn NN - SCIC
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 76,532 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- + Phân đấu trở thành một trong số các doanh nghiệp hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, có thương hiệu Vietfracht nổi bật;
- + Luôn chú trọng cải thiện điều kiện, môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;
- + Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn để duy trì, phát triển hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.
- + Tích cực tham gia công tác xã hội, phân đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và Xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Vận tải và Thuê tàu được thành lập lần đầu vào ngày 18/02/1963 với tên gọi “Tổng Công ty Vận tải ngoại thương”, trực thuộc Bộ Ngoại thương. Đến năm 1984 được đổi tên là “Tổng Công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải” và được chuyển sang trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Đến năm 2006 được cổ phần hoá và niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mang tên mới từ đó đến nay là Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Tên viết tắt cũng là thương hiệu của Công ty tồn tại không thay đổi suốt từ ngày thành lập, từ năm 1963 - đến nay là **Vietfracht**.

Vietfracht là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức Hàng hải quốc tế và Ban-tích (BIMCO), Liên đoàn quốc tế những Hiệp hội giao nhận (FIATA), Liên đoàn những Hiệp hội quốc gia về đại lý và môi giới hàng hải (FONASBA), Hiệp hội Chủ tàu các nước thuộc Hội các nước Đông Nam Á (FASA), Diễn đàn Chủ tàu châu Á (ASF), và là một trong những thành viên sáng lập của nhiều tổ chức quốc gia như: Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam (VSA), Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLC) và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, Vietfracht được biết đến là một trong những công ty hàng hải hàng đầu của Việt Nam. Công ty luôn đổi mới, cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đạt hiệu quả cao trong SXKD. Với những thành tích đáng tự hào nêu trên, Cty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất/Nhì/Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba, Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Công ty đang ký ngành nghề kinh doanh rất đa dạng, phong phú, song tập trung chủ yếu vào một số ngành nghề chính sau đây:

- Vận tải hàng hóa bằng đường biển (bao gồm vận tải container, hàng siêu trường siêu trọng, hàng rời, hàng bách hoá theo các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế). Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới hàng hải và các dịch vụ môi giới khác;

- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải hàng hoá đa phương thức, bằng đường không, đường biển, đường bộ... theo sự ủy thác của chủ tàu và chủ hàng và các dịch vụ liên quan;

- Khai thác kho bãi container, kho ngoại quan, kho trung chuyển, phân phối, thu gom hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng hoá nội địa;

- Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc;

- Đầu tư thành lập các công ty liên doanh liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực (nêu trên) để mở rộng mạng lưới kinh doanh; Đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác.

* Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng trên khắp mọi miền của đất nước, chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn hoặc thành phố - cảng biển lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Tp Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai...

BỐI CẢNH KINH TẾ NĂM 2014

- *Kinh tế Việt Nam năm 2014* duy trì được đà phục hồi có được từ 2013, bất chấp sự kiện Giàn khoan của Trung Quốc xâm nhập trái phép vào vùng biển Việt Nam, thu được những thành tựu đáng khích lệ như tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, giảm tỷ lệ lạm phát, khâu cải cách thể chế thị trường có những bước tiến bộ, khu vực sản xuất đã được hỗ trợ và đang phục hồi. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản của năm 2014 đạt được như sau: GDP tăng 5,98% cao hơn những năm vừa qua (năm 2013: 5,42%; năm 2012: 5,25%); Chỉ số lạm phát 4,09% thấp nhất trong 10 năm qua (năm 2013: 6,04%). Kim ngạch xuất khẩu lần đầu tiên chạm mức 150 tỷ USD, xuất siêu 2 tỷ USD (năm 2013: xuất siêu 0,86 tỷ USD). Thu hút vốn FDI đạt trên 20 tỷ USD... Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, tồn tại lớn như: sức cầu yếu, sức cạnh tranh nền kinh tế yếu, chất lượng tăng trưởng chưa cao, nợ công tiếp tục tăng, tỷ lệ nợ xấu vẫn cao, tiến trình tái cơ cấu DNNN chậm chạp. Trong năm 2014 vẫn còn 67.800 doanh nghiệp phải giải thể hoặc ngừng hoạt động (năm 2013: 61.000 doanh nghiệp).

- *Thị trường vận tải biển (VTB) thế giới năm 2014* không ấm lên giống như tình hình kinh tế chung, mà tiếp tục ở trong tình trạng suy thoái kéo dài, hàng hóa khan hiếm, cung về tàu thừa, giá cước giảm thấp, đã gây ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Trong khi thị trường hàng hải khó khăn thì giá dầu cho đội tàu, thường xuyên duy trì ở mức cao, song về cuối năm 2014 đã giảm dần: Nếu 6 tháng đầu năm 2014 giá dầu dao động quanh mức 630 USD/tấn FO và 940 USD/tấn DO; thì đến tháng 10/2014 giảm xuống 486 và 732; sang tháng 12/2014 giảm xuống còn 360 và 590. Đây là dấu hiệu đáng mừng, tạo ra hy vọng sang năm 2015 đội tàu sẽ bớt khó khăn vì giảm được chi phí mua dầu.

- *Tình hình Công ty năm 2014*: Công ty vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, kể cả đối với các dịch vụ trên bờ lẫn hoạt động VTB. Hoạt động giao nhận, kho bãi, đại lý phải chịu sự cạnh tranh gay gắt, phải rất cố gắng mới có thể duy trì các dịch vụ logistics, còn hoạt động VTB tiếp tục phải chịu thua lỗ. Do đó năm 2014 Công ty phải chịu lỗ và không hoàn thành kế hoạch tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2014

1. Cơ cấu HĐQT

HĐQT Công ty Vietfracht gồm 05 thành viên được ĐHCĐ bầu cho nhiệm kỳ 2011 - 2015, trong đó 01 thành viên là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, làm việc thường xuyên tại Công ty, 01 thành viên HĐQT kiêm TGD điều hành, làm việc thường xuyên tại Công ty; và 03 thành viên kiêm nhiệm khác không làm việc thường xuyên tại Công ty (trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập, đáp ứng tỷ lệ 1/3 tổng số thành viên HĐQT theo quy định). Danh sách các thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần... được nêu trong phần cuối của Báo cáo thường niên.

Căn cứ vào thực tế của công ty, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban, mà sử dụng chung bộ máy của Ban Điều hành, giúp việc HĐQT là một Thư ký HĐQT.

2. Hoạt động của HĐQT

- Thực hiện qui chế nội bộ của Công ty về quản trị doanh nghiệp, HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty và Ban Điều hành. Việc chỉ đạo các hoạt động của Công ty của HĐQT thông qua việc ban hành các nghị quyết và quyết định. Hàng quý, HĐQT đều tiến hành họp thường kỳ để xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty quý trước, xem xét đề thông qua kế hoạch động cho quý sau. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT tiến hành họp bất thường để kịp thời giải quyết vướng mắc, tạo điều kiện phục vụ sản xuất. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, với Ban Kiểm soát trong xử lý các công việc quan trọng của Cty.

- Hình thức họp HĐQT vẫn chủ yếu là gặp mặt trực tiếp. Bên cạnh đó tùy theo tính chất công việc, HĐQT đã tiến hành họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng Email để kịp thời quyết định những vấn đề cấp bách phát sinh, tiết kiệm chi phí và thời gian của các thành viên HĐQT ở xa. Trong năm 2014, HĐQT đã có 5 cuộc họp trực tiếp và 1 lần trao đổi qua email để bàn bạc, ban hành các nghị quyết và quyết định để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

- Năm 2014 có 2 thành viên HĐQT xin từ nhiệm là ông Ngô Xuân Hồng và ông Nguyễn Trọng Hiền vì lý do cá nhân. Tại ĐHCĐ thường niên ngày 05/6/2014 đã bầu ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc Công ty và ông Nguyễn Tiến Long – cán bộ Ban Đầu tư 2 của SCIC làm 2 thành viên mới của HĐQT thay thế 2 thành viên từ nhiệm.

- Tự đánh giá năm 2014, HĐQT đã bám sát các hoạt động của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng Ban Điều hành, kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định đáp ứng các yêu cầu duy trì ổn định và phát triển Công ty. HĐQT đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật nhà nước về quản trị Công ty và Quy chế nội bộ của Công ty Vietfracht. Trong tất cả các cuộc họp của mình, HĐQT đều cung cấp đầy đủ tài liệu và mời Trưởng ban Kiểm soát tham dự để cùng thực hiện chức năng quản trị - giám sát.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD và Ban Điều hành

HĐQT giám sát các hoạt động điều hành của TGD đảm bảo các hoạt động SXKD của Cty tuân thủ đúng pháp luật và các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ.

- Năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty, đặc biệt là lĩnh vực vận tải biển. Mặc dù Cty không hoàn thành kế hoạch tài chính do phát sinh khoản chênh lệch tỷ giá tiền

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

vay không có trong kế hoạch và vẫn giữ nguyên mức trích giảm khấu hao TSCĐ, nhưng HĐQT vẫn đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong việc điều hành các hoạt động SXKD. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc đã tập hợp và đoàn kết được các cán bộ dưới quyền tích cực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty không bị gián đoạn trong quá trình chuyển giao nhiệm vụ giữa hai TGD.

- Để đạt được mục tiêu và phát triển bền vững trong điều kiện khó khăn hiện nay, Ban Điều hành cần tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ ; năng động hơn trong công tác phát triển mở rộng khách hàng mới ; triệt để thực hiện tiết kiệm ; xây dựng đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt và chất lượng thuyền viên.

4. Thù lao của HĐQT năm 2014

Dự kiến trước rằng năm 2014 là một năm kinh doanh khó khăn nên HĐQT đã đề xuất ĐHĐCĐ không trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014.

5. Cơ cấu cổ đông

Vietfracht là Công ty đại chúng, niêm yết trên sàn Hà Nội (HNX) từ năm 2006. Danh sách cổ đông của Công ty - tính đến ngày 18/3/2015 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp - bao gồm tổng số 898 cổ đông với cơ cấu như sau:

- 01 cổ đông chi phối là TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nắm giữ 7.653.200 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ.
- 01 cổ đông lớn và là cổ đông sáng lập là TCTy Tân Cảng Sài Gòn, sở hữu 1 triệu cổ phần tương đương 6,6% vốn điều lệ.
- Có 17 tổ chức và 881 cá nhân;
- Có 10 cổ đông nước ngoài và 888 cổ đông trong nước
- 10 cổ đông nước ngoài nắm giữ 5.200 CP.
- Có 40 cổ đông lớn nắm giữ từ 30.000 cổ phiếu trở lên.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2014

1. Kết quả SXKD của Công ty năm 2014

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh TH/KH 2014
1	Tổng doanh thu	346.332	314.040	90.68%
2	Tổng chi phí	346.085	326.420	94.31%
3	LN trước thuế	0.247	-12.380	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung Công ty năm 2014:

+ Trong bối cảnh khó khăn kéo dài của thị trường, ngoài mảng Vận tải biển tiếp tục bị thua lỗ; Công ty vẫn duy trì được các hoạt động SXKD có sự tăng trưởng và kinh doanh có lãi. Mức lỗ trong hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2014 giảm còn 12,66 tỷ đồng so với năm 2013 (lỗ 28,8 tỷ đồng) và năm 2012 (lỗ 32,96 tỷ đồng). Năm 2014 Công ty cũng hạch toán 2,38 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá tiền vay phát sinh không có trong kế hoạch cũng như toàn bộ mức khấu hao đội tàu theo qui định.

+ Đây là năm đầu tiên kể từ khi thành lập, Công ty có kết quả kinh doanh bị lỗ. Nguyên nhân lỗ vẫn là do yếu tố thị trường vận tải biển chưa hồi phục và bên cạnh đó Công ty không có khoản thu nhập bất thường nào như các năm trước đây.

2. Một số chỉ tiêu và cân đối tài chính Công ty năm 2014

Tình hình tài chính (theo mục 4.a của quy định Mẫu):

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. đ	615.038	583.933	Giảm
2. Doanh thu thuần	Tr. đ	354.836	314.041	Giảm
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/d	Tr. đ	- 28.737	- 12.401	Tăng
4. Lợi nhuận khác	Tr. đ	28.956	23	Giảm
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	219	-12.379	Giảm
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	219	- 12.379	Giảm

Các hệ số tài chính chủ yếu (theo mục 4.b của quy định Mẫu):

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,45 lần	1,16 lần	Khả năng thanh toán 2014 thấp hơn 2013
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,45 lần	1,16 lần	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57 lần	0,58 lần	Hệ số nợ 2014 cao hơn 1 chút so với 2013
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,35 lần	1,41 lần	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			Năng lực hoạt động năm 2014 cao hơn 1 chút so với 2013
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,48 lần	0,51 lần	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,07%	- 4,17%	Khả năng sinh lời năm 2014 thấp hơn 2013.
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08%	- 5,12%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,04%	- 2,12%	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT

a- Năm 2014 Công ty đã thực hiện được một số nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao cho, cụ thể như sau:

- Hoàn thành việc chia cổ tức cho các cổ đông.
- Thoái vốn tại Công ty CP ĐTXD Trung Hưng; thoái 24% vốn điều lệ tại Công ty liên doanh Dimerco – Vietfracht chỉ còn giữ lại 25% vốn. Đang tiếp tục bán, thoái vốn tại một số công ty liên doanh kết khác nằm trong kế hoạch.
- Đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức, nhân sự trong Công ty, cụ thể:
 - + Miễn nhiệm 2 TV HĐQT, 1 TV BKS và đã bầu bổ sung để thay thế. Miễn nhiệm TGD và bổ nhiệm TGD mới.
 - + Rà soát lại toàn bộ thuyền viên Công ty, để chọn đi đào tạo hoặc thanh thải, cho dừng hợp đồng hoặc cho nghỉ hưu...
 - + Kiện toàn một bước bộ máy tổ chức như đã triển khai giải thể Phòng Tổng hợp, sáp nhập vào Ban thư ký thành Ban Thư ký – Tổng hợp, đồng thời chuyển chức năng thư ký ISO về Ban An toàn.

b- Còn một số việc đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành là:

- Làm các thủ tục pháp lý đối với một số BĐS tại TP Hồ Chí Minh còn vướng mắc và phụ thuộc.
- Chưa tái cơ cấu tàu nào trong đội tàu (gồm 3 chiếc) của Công ty do khó khăn của thị trường mua bán tàu thế giới.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 CỦA HĐQT

1. Đánh giá những khó khăn và thuận lợi của Công ty

a- Những thuận lợi cơ bản:

+ Công ty có truyền thống đoàn kết, năng động sáng tạo và tinh thần vượt khó trong những thời điểm khó khăn nhất, là một thương hiệu có uy tín trên thị trường...

+ Có hệ thống cơ sở vật chất tương đối như phương tiện vận chuyển, kho bãi, nhà cửa; Có mạng lưới các chi nhánh, công ty con, công ty LD – LK trải rộng khắp cả nước với các nghiệp vụ kinh doanh phong phú liên quan đến nhau trong chuỗi logistic.

b- Những khó khăn chủ yếu:

+ Tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa hồi phục rõ nét, môi trường kinh doanh trong nước còn nhiều khó khăn; thị trường hàng hải thế giới chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, suy thoái.

+ Năng lực tài chính bị suy giảm, áp lực về dòng tiền luôn thường trực; thiếu vốn đầu tư vào một số hạng mục cần thiết; trong khi đó số dư nợ của Công ty vẫn còn khá lớn.

+ Tỷ giá đồng USD tiếp tục lên cao, Công ty sẽ phải trích dự phòng chênh lệch tỷ giá cho khoản tiền vay ngân hàng.

2. Định hướng hoạt động của Công ty năm 2015

a- Mục tiêu cơ bản năm 2015:

Trong bối cảnh nền kinh tế còn ảm đạm, thị trường VTB còn nhiều khó khăn, khả năng tài chính Công ty lại eo hẹp, lãnh đạo Công ty đặt ra *Mục tiêu để phấn đấu trong năm 2015* như sau:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

+ Duy trì ổn định mọi dịch vụ, mọi hoạt động SXKD của Công ty. Triệt để tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác marketing tìm kiếm mở rộng thêm khách hàng .

+ Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đội tàu theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra. Áp dụng mọi giải pháp để giảm lỗ đội tàu.

+ Tìm các giải pháp cần thiết và phù hợp nhằm giảm bớt các khó khăn về tài chính và dòng tiền cho hoạt động SXKD.

+ Đảm bảo việc làm và đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.

b- Kế hoạch tài chính Công ty năm 2015:

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2014	KẾ HOẠCH 2015	KH2015/TH2014
1	Doanh thu	314.020	325.351	103,6 %
2	Tổng chi phí	326.400	325.151	99,6 %
3	Lợi nhuận trước thuế	-12.379	200	

3. Phương hướng công tác của HĐQT năm 2015

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đưa ra phương hướng - kế hoạch công tác của mình năm 2015 như sau:

- ✓ Thực hiện tốt qui chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp đã được ban hành. Tích cực đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- ✓ Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trong việc kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp cho việc duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của công ty tình hình mới .
- ✓ Duy trì sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Giám đốc trong việc theo dõi, chỉ đạo và giải quyết các công việc của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ.
- ✓ Trước chủ trương thoái vốn nhà nước của SCIC và một số cổ đông lớn, tích cực chủ động sẵn sàng hợp tác với các cổ đông chiến lược có tiềm năng nhằm phát huy những hoạt động của Công ty ổn định và phát triển trong mọi tình huống.
- ✓ Tiếp tục rà soát các quy chế quản lý nội bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định mới của nhà nước.

Kính trình ĐHĐCĐ.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Văn Quý

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2014

1. Kết quả SXKD toàn Công ty năm 2014 (đồng)

Các chỉ tiêu chính	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	296,945,321,940	295,005,529,625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng, dịch vụ	296,945,321,940	295,005,529,625
4. Giá vốn hàng bán	304,490,454,504	311,698,428,819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng, dịch vụ	-7,545,132,564	-16,692,899,194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	16,658,551,173	17,654,942,652
7. Chi phí tài chính	14,652,775,473	21,864,849,013
- Trong đó: Chi phí lãi vay	12,268,461,324	16,783,417,395
8. Chi phí bán hàng	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,862,117,082	7,834,157,699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	-12,401,473,946	-28,736,963,254
11. Thu nhập khác	436,853,750	42,175,062,874
12. Chi phí khác	414,019,758	13,218,611,539
13. Lợi nhuận khác	22,833,992	28,956,451,335
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-12,378,639,954	219,488,081
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	-12,378,639,954	219,488,081

- Dưới đây là Bảng tóm tắt kết quả SXKD năm 2014:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện 2014	TH 2014/TH2013		TH/KH 2014	
			TH 2013	%	KH 2014	%
1	Tổng doanh thu	314,04	354,84	88,50	346,33	90,68
2	Tổng chi phí	326,42	354,62	92,05	359,34	90,84
3	LN trước thuế	-12,38	0,219		-13,01*	95,16
4	LN sau thuế	-12,38	0,219		-13,01	95,16

Ghi chú: * Kế hoạch tài chính 2014 do ĐHCĐ giao là: Lãi 247 triệu đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung Công ty năm 2014:

- Trong bối cảnh kinh tế khó khăn kéo dài, các mảng kinh doanh của Công ty đều gặp khó khăn và chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, nên kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty thấp. Cụ thể là tổng doanh thu bằng 88,50% và tổng chi phí bằng 92,05% mức thực hiện của năm 2013, lợi nhuận trước thuế (và sau thuế) bị âm 12,38 tỷ đồng, thấp hơn mức thực hiện năm 2013 (đạt +219 triệu đồng).

- Kết quả kinh doanh năm 2014 so với kế hoạch đề ra (KH lãi 247 triệu đồng), xin báo cáo như sau:

+ Kế hoạch tài chính 2014 ban đầu được BGD tính toán dựa trên tình hình thực tế là **lỗ 13,01 tỷ đồng**. Nhưng nếu được ĐHĐCĐ cho phép áp dụng một số ưu đãi như được giãn khấu hao 30% và điều kiện tỷ giá, lãi suất trong năm không đổi (giống như một số các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam đang được Nhà nước cho ưu đãi) thì kế hoạch là **lãi 247 triệu đồng**.

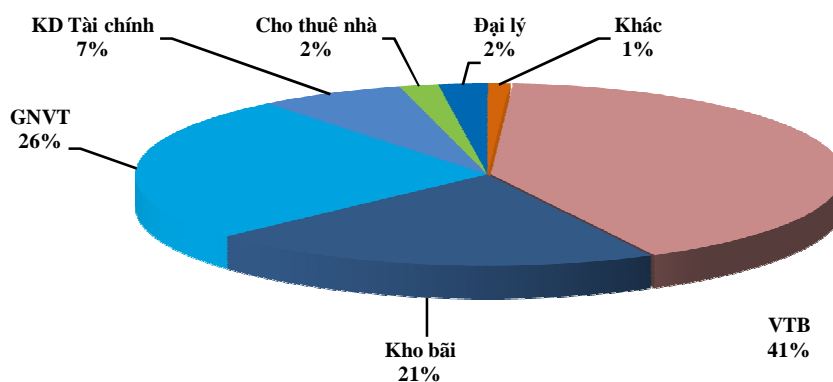
+ Tuy nhiên sau đó ĐHĐCĐ thường niên 2014 đã họp mà không đồng ý các ưu đãi và điều kiện kèm theo như nêu trên, đã phê chuẩn kế hoạch tài chính năm 2014 lãi 247 triệu đồng. Điều này gây khó cho Công ty ngay từ đầu và hoạt động kinh doanh năm 2014 diễn ra đúng như dự báo của Công ty, kết quả bị lỗ 12,38 tỷ đồng, thấp hơn mức lỗ đã dự kiến 0,63 tỷ đồng.

+ Như vậy, Công ty được coi là hoàn thành kế hoạch do mình dự kiến (HQĐT đã biết), nhưng không hoàn thành kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ.

- Kết quả SXKD âm đã phản ánh khách quan điều kiện kinh doanh khó khăn trong giai đoạn hiện nay, nhất là sự suy thoái sâu - kéo dài của thị trường vận tải biển.

2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của các nghiệp vụ kinh doanh năm 2014

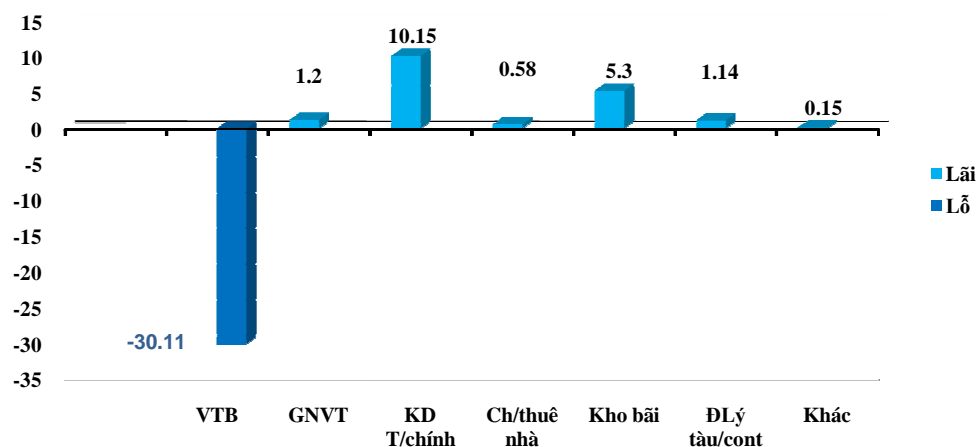
a- Cơ cấu Doanh thu theo các nghiệp vụ kinh doanh (tỷ lệ %):



Nhìn chung, các nghiệp vụ VTB, khai thác kho bãi và GNVТ vẫn là những mảng kinh doanh quan trọng nhất của Công ty, trong đó VTB vẫn chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất. Từ đó nhận thấy, nếu thị trường hàng hải còn diễn biến xấu thì kết quả chung của Công ty sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

b- Cơ cấu Lợi nhuận trước thuế theo các nghiệp vụ kinh doanh (tỷ đồng):



Về cơ cấu lợi nhuận thấy rằng các dịch vụ trên bờ đều có lãi, mức lãi nhìn chung khá ổn định, song quy mô lợi nhuận không lớn, còn mảng VTB tiếp tục phải chịu lỗ khá lớn do thị trường hàng hải suy thoái kéo dài. Công ty bị lỗ 12,38 tỷ đồng vì tổng các khoản lợi nhuận từ các dịch vụ trên bờ không đủ bù đắp cho khoản lỗ từ mảng VTB.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA TỪNG NGHIỆP VỤ KD NĂM 2014

1. Mảng kinh doanh VTB

- Tình hình hoạt động của đội tàu năm 2014:

+ Đội tàu Công ty gồm 3 chiếc là Blue Lotus, Thăng Long và VFGLory. Từ cuối năm 2013 - thời điểm các tàu của Công ty cho thuê đều bị người thuê trả lại, không muốn thuê tiếp vì thị trường quá xấu, kinh doanh khó khăn. Sang năm 2014 chỉ còn tàu Thăng Long là có thể cho thuê tiếp, nhưng với giá thuê giảm dần (tháng 4/2014 giảm còn 3.600 USD/ ngày, tháng 10/2014 giảm còn 3.400 USD/ngày); còn 2 tàu Blue Lotus và VFGLory Công ty phải tự khai thác, trong đó cỡ trọng tải tàu Blue Lotus (14.187 DWT) rất khó tìm nguồn hàng thích hợp. Thị trường hiện tại tiếp tục khó khăn: hàng hóa khan hiếm hơn trên một số tuyến quen thuộc của Công ty, giá cước lại giảm thêm. Tuy nhiên tàu VFGLory và Blue Lotus hoạt động khá ổn định. Năm 2014 chỉ có một tàu Blue Lotus lên đà đặc biệt với tổng chi phí khoảng 12 tỷ đồng.

+ Thị trường càng khó khăn thì càng có nhiều rủi ro trong kinh doanh như: Người thuê chậm thanh toán cước, có chuyến đã phải thuê luật sư can thiệp mới đòi được tiền cước (như tàu Blue chuyến 01/2014), người thuê gây khó khăn cho chủ tàu, chủ tàu đôi khi phải thuê đại lý bảo vệ khi tàu ở nước ngoài (như tại Ấn Độ)... Những rủi ro này gây thiệt hại như: làm tăng thêm chi phí, mất thêm thời gian.

+ Ngoài ra, còn xảy ra một số sự cố do thiếu cẩn thận của thuyền viên, ví dụ như vụ vào cầu cảng gây hư hỏng vỏ tàu, hay làm hư hỏng lưới đánh cá của ngư dân. Trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, và ý thức của một số thuyền viên còn hạn chế.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

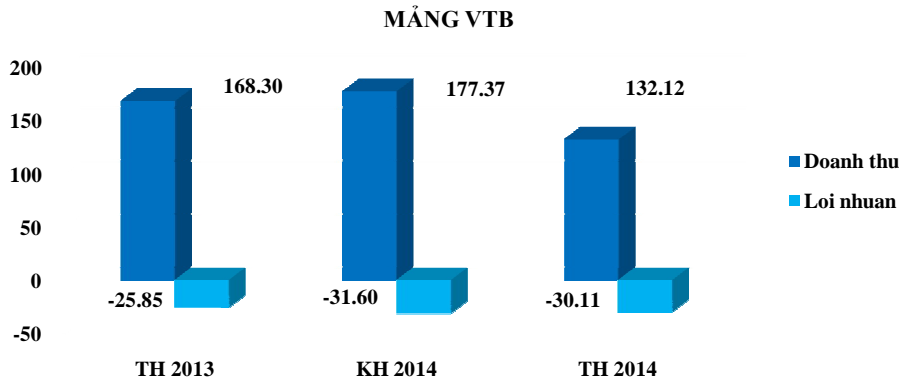
- Công tác quản lý, khai thác đội tàu:

+ Nhìn chung các bộ phận trong khối VTB đã có nhiều nỗ lực cố gắng để duy trì hoạt động đều đặn đội tàu trong bối cảnh rất khó khăn. Bộ phận khai thác đã cố gắng tìm nguồn hàng cho tàu, bộ phận quản lý kỹ thuật tàu cũng làm tốt nhiệm vụ bảo đảm tình trạng kỹ thuật cho đội tàu trong phạm vi ngân sách cho phép, hoàn thành tốt nhiệm vụ lên đà sửa chữa lớn cho tàu Blue Lotus. Khâu quản lý thuyền viên, tuy đã có cố gắng và đạt được nhiều tiến bộ song vẫn cần phải tiếp tục cải tiến. Ban QL An toàn đã dần đi vào nề nếp, có những đóng góp tích cực. Sự hợp tác, quy trình phối hợp giải quyết công việc trong nội khối VTB đã có tiến bộ, song chưa thật sự đồng bộ, chặt chẽ, cần phải tiếp tục cải tiến.

+ Ngoài ra, khối VTB có làm thêm công việc tư vấn - quản lý kỹ thuật thuê cho 01 tàu của đối tác nước ngoài (là tàu Rainbow Symphony của Công ty Ocean 11 của Hàn Quốc). Đây là một cố gắng lớn và là hướng đi tốt của khối VTB, phấn đấu nhận thêm tàu để quản lý.

+ Thực hiện chủ trương tái cơ cấu đội tàu của ĐHĐCĐ, của HĐQT nhằm cắt lỗ, giảm chi phí hoạt động cho Công ty, năm 2014 Ban chỉ đạo bán tàu đã tích cực triển khai các thủ tục chào bán đội tàu nhưng chưa bán được tàu nào, vì thị trường mua bán tàu biển rất trầm lắng, rất ít khách hàng quan tâm thực sự, có khách hàng đã giám định tàu và tham gia trả giá nhưng vẫn thấp hơn giá kỳ vọng nên chưa bán được.

- Kết quả kinh doanh đội tàu năm 2014 (tỷ đồng):



Nhìn lại giai đoạn khủng hoảng mấy năm qua, khối VTB đều bị lỗ, năm 2011 lỗ - 45,55 tỷ đ, năm 2012 lỗ - 37,32 tỷ đ, năm 2013 lỗ - 25,85 tỷ đồng. Điều này phản ánh rõ môi trường và điều kiện kinh doanh VTB vẫn ở trong tình trạng suy thoái, khó khăn kéo dài, mà chưa có biện pháp hữu hiệu để cải thiện. Do đó khối VTB tiếp tục là gánh nặng cho cán cân tài chính của Công ty, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả chung.

2. Mảng Giao nhận vận tải, Marketing, Kho bãi, Đại lý

- Môi trường kinh doanh các dịch vụ này nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt... tiếp tục ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh các mảng này. Sản lượng hàng hoá XNK không tăng, một số khách hàng sử dụng dịch vụ giao nhận, kho bãi cắt hợp đồng chuyển sang nhà cung cấp khác, hoặc đòi hạ giá dịch vụ, số lượng tàu đến cảng cũng giảm... Chính sách mở cửa trong lĩnh vực logistics đang tạo đà cho việc xuất hiện ngày càng

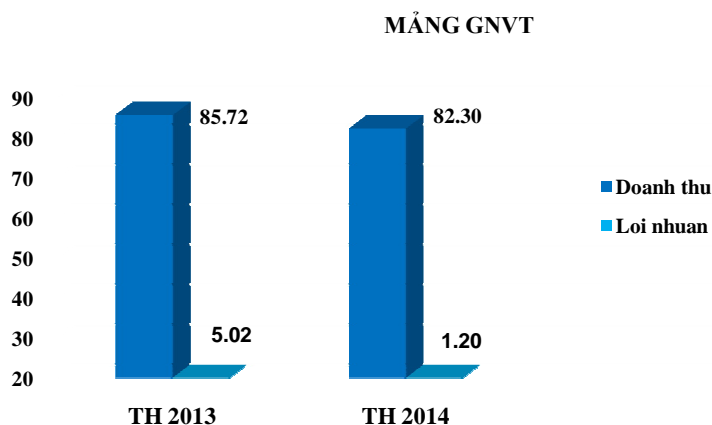
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

nhiều công ty logistics nước ngoài tiềm lực mạnh thâm nhập vào Việt Nam, và hiện họ đã thu tóm khoảng 75% thị trường logistics của nước ta, tạo ra sự cạnh tranh rất quyết liệt.

- Về phía Công ty cũng còn tồn tại một số bất lợi là: Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ các dịch vụ trên bờ còn yếu và thiếu, kho bãi tại Hải Phòng bị xuống cấp nhiều. Nhiều hạng mục phải đi thuê ngoài, dẫn đến bị động, hạn chế sức cạnh tranh, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Khâu marketing, tìm thêm khách hàng có những khó khăn nhất định nên chưa đạt hiệu quả mong muốn.

- Cuối năm 2014 Công ty đã đầu tư 2 xe chở container để tăng cường phương tiện kinh doanh cho khối giao nhận vận tải tại VF Hà Nội. Qua những tháng đầu hoạt động 2 xe này đã mang lại kết quả khá tốt, tháo gỡ một phần khó khăn cho khâu giao nhận vận tải.

Kết quả mảng giao nhận vận tải (tỷ đồng):



3. Mảng khai thác bất động sản và đầu tư xây dựng

- *Mảng cho thuê văn phòng (VP)* chứng kiến sự cạnh tranh ngày càng tăng trong suốt mấy năm qua. Cung lớn hơn cầu tạo ra áp lực hạ giá cho thuê, đã vậy chi phí đầu vào vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến hiệu quả cho thuê VP; hiện vẫn còn chỗ trống chưa cho thuê hết. Doanh thu và lợi nhuận đạt thấp hơn mức thực hiện của 2013.

- *Mảng bất động sản:* Công tác hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhà đất đối với các khu đất Công ty đang sử dụng tại các địa phương vẫn đang được tiến hành (bao gồm nhà 73 Lò Đúc – Hà Nội; nhà 318 Nguyễn Trọng Tuyển – Tp HCM; nhà 155 Trương Công Định – Tp Vũng Tàu) song tiến độ khá chậm chạp do vướng những khó khăn nhất định.

- *Mảng đầu tư xây dựng:* Hiện tại có 3 dự án đầu tư được khởi nguồn từ vài năm trước, nhưng đến nay không có tiến triển nhiều vì gặp phải những khó khăn nhất định, cụ thể về từng dự án và hướng xử lý như sau:

+ *Dự án Cảng không bến tại Vịnh Vân Phong - tỉnh Khánh Hòa:* Do mức cước phí đánh vào tàu vào cảng do Bộ Tài chính đưa ra cao, đối tác nước ngoài không chấp thuận. Do đó, đối tác nước ngoài xin rút, không làm. Dự án chấm dứt.

+ *Dự án xây dựng kho bãi ICD Long Bình – Vietfracht, tỉnh Đồng Nai* đã kéo dài quá lâu mà không tìm được nguồn vốn nên vừa qua HĐQT Công ty đã quyết định chấm dứt, không thực hiện dự án này.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

+ *Dự án XD kho bãi tại khu CN Hòa Cầm – Tp Đà Nẵng*: Dự án này do VF Đà Nẵng chủ trì, mọi thủ tục đã xong chỉ còn chờ vốn đầu tư. Công ty đã chấp thuận cho VFĐN tăng vốn điều lệ từ 15 lên 26 tỷ đồng để có vốn đầu tư dự án. Do Vietracht khó khăn về nguồn tiền, đề nghị VFĐN chủ động, tích cực triển khai thực hiện dự án này.

4. Mảng đầu tư tài chính (khỏi các công ty LD-LK)

- Khỏi các công ty liên doanh liên kết (LD-LK) nhìn chung hoạt động ổn định, đạt kết quả tốt trừ một vài công ty, thể hiện qua việc thu cổ tức. Năm 2014 Công ty đã thu được 16,25 tỷ đồng từ cổ tức, cao hơn mức thu của năm 2013, đóng góp tích cực vào ngân sách Công ty.

- Thực hiện chủ trương của HĐQT về việc rút vốn, thoái vốn khỏi một số công ty ngoài ngành mà ta không có chuyên môn sâu, trong năm 2014 Công ty đã thoái hết vốn tại Công ty CP ĐTXD Trung Hưng; thoái 24% vốn điều lệ (chỉ giữ lại 25% vốn) tại Công ty liên doanh Dimerco - Vietfracht. Thời gian tới Công ty tiếp tục triển khai thoái vốn tại Công ty CP In Viễn Đông, VF Hưng Yên, Công ty ASACO theo kế hoạch đã định trước.

- Đối với Vietfracht Đà Nẵng (VFĐN), do Công ty mẹ Vietfracht hạn chế về khả năng góp vốn để tăng vốn điều lệ như chủ trương đã thông qua (từ 15 lên 26 tỷ đồng), và tạo điều kiện để VFĐN chủ động kêu gọi đối tác chiến lược, tăng động lực cho CBCNV VFĐN nên thời gian tới Công ty xin chủ trương giảm tỉ lệ sở hữu của mình tại VFĐN xuống, có thể chỉ giữ ở mức 30% (hiện tại là 52,44%).

5. Kết quả hoạt động của 2 công ty con

(i) *Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên* (Vietfracht Hưng Yên), vốn Điều lệ 30 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ Vietfracht sở hữu 92%, hoạt động trong lĩnh vực khai thác kho bãi, vận tải bộ, giao nhận hàng hoá. Kết quả kinh doanh của VFHY năm 2014 là tốt, có mức tăng trưởng khá cao. Tổng DT 2014 vượt kế hoạch 55,68%, LN trước thuế vượt 15,95%; và đạt cao hơn mức thực hiện của năm 2013, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	TH14/TH 13
1	Tổng doanh thu	26,06	43,28	166,78%
2	Lợi nhuận trước thuế	1,76	2,18	124,07%

Tuy nhiên, mức lợi nhuận so với tổng tài sản, tổng vốn đầu tư là không cao.

(ii) *Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng* (Vietfracht Đà Nẵng): Vốn Điều lệ 15 tỷ đồng, trong đó Cty mẹ Vietfracht sở hữu 52,44%, hoạt động trong các lĩnh vực như Công ty mẹ, trừ mảng Vận tải biển. Kết quả kinh doanh của VFĐN năm 2014: Doanh thu vượt 7% kế hoạch, LN trước thuế vượt 3% kế hoạch. Còn so với mức thực hiện của 2013 thì đạt xấp xỉ, cụ thể nêu trong bảng dưới đây:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	TH14/TH 13
1	Tổng doanh thu	70,16	67,89	96,76%
2	Lợi nhuận trước thuế	3,42	3,4	99,42%

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Các công tác khác

- Nhìn chung các công tác quản lý tổng hợp gồm: Công tác Tổ chức cán bộ, Lao động tiền lương, Tài chính kế toán, Hành chính quản trị đều đã có nhiều cố gắng, hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình hoạt động, các bộ phận này đã tuân thủ các quy định của Nhà nước, nội quy Công ty, hỗ trợ tích cực có hiệu quả cho các hoạt động SXKD, góp phần vào thành tích chung của Công ty.

- Tiếp tục duy trì Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008 trong toàn Công ty, được Trung tâm Quacert đánh giá là không có sai sót, trừ một vài khiếm khuyết phải tiếp tục điều chỉnh cải tiến.

- Các hoạt động đoàn thể xã hội như Công đoàn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên vẫn được duy trì đều đặn, được lãnh đạo Công ty chú trọng, nên đã hoàn thành nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất và tinh thần CBCNV Công ty, động viên khuyến khích kịp thời người lao động.

7. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT

Công ty đã thực hiện được một số nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao cho, như đã báo cáo ở phần trên (bao gồm việc chia cổ tức, sửa đổi Điều 41 Điều lệ Công ty, bán vốn, thoái vốn tại một số công ty liên doanh - liên kết...). Về công tác sắp xếp lại tổ chức, nhân sự trong Công ty, năm 2014 đã làm những việc sau:

+ Bổ nhiệm TGD mới thay thế TGD xin chuyển đi cơ quan khác. Bầu bổ sung 02 TV HĐQT thay thế 02 TV HĐQT xin từ nhiệm. Bầu bổ sung 01 TV BKS thay thế 01 TV BKS xin từ nhiệm.

+ Đối với cán bộ làm việc tại văn phòng Công ty, liên tục rà soát, đánh giá đối với từng cán bộ. Có sự quan tâm, khen ngợi đến những cán bộ có năng lực, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy kỷ luật lao động của Công ty. Những cán bộ chưa chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy, kỷ luật lao động của Công ty đã có hình thức xử phạt, cắt thi đua vào cuối năm. Những cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, đã làm thủ tục chấm dứt Hợp đồng lao động, cụ thể đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với 06 cán bộ tại Công ty và chi nhánh.

+ Rà soát lại toàn bộ thuyền viên Công ty, kết hợp cùng các phòng ban chuyên môn thuộc khối Vận tải biển đánh giá đối với từng thuyền viên, từng chức danh để xem xét tiếp tục sử dụng, đào tạo những thuyền viên có chuyên môn tốt, có nguyện vọng cống hiến cho Công ty. Đối với những thuyền viên có chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu Công ty, không còn nguyện vọng đi tàu, sức khỏe yếu hoặc gần đến tuổi nghỉ hưu thì yêu cầu đến Công ty làm thủ tục thanh lý hợp đồng, tạm dừng hợp đồng, hoặc động viên làm thủ tục nghỉ hưu sớm. Cụ thể đã làm thủ tục chấm dứt hợp đồng đối với 07 thuyền viên, làm thủ tục nghỉ chế độ trước tuổi đối với 01 thuyền viên, tiếp tục triệu tập để cam kết đi tàu hoặc thỏa thuận chấm dứt HĐLD với 32 thuyền viên.

+ Kiện toàn bộ máy tổ chức, như việc giải thể Phòng Marketing, sáp nhập với P. GNVT; Giải thể Phòng Tổng hợp, sáp nhập vào Ban thư ký thành Ban Thư ký – Tổng hợp, đồng thời chuyển chức năng thư ký theo dõi ISO về Ban An toàn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ 2015

- *Kinh tế thế giới:* Nhìn chung, nền kinh tế thế giới năm 2015 đang phải đối mặt với nhiều biến cố, bất ổn về chính trị - quân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đà phục hồi, do đó còn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, rất khó đoán.

- *Kinh tế Việt Nam:* Qua 2 năm phục hồi nhẹ, năm 2015 hứa hẹn tiếp tục đà tăng trưởng, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được giữ ở mức thấp, tỷ giá ổn định, mảng bất động sản dần phục hồi và cải cách DN nhà nước có bước chuyển biến... Đó là những tiền đề hy vọng sẽ giúp khối sản xuất phục hồi và khởi sắc, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều khó khăn do cơ chế kinh tế lạc hậu, tốc độ tái cơ cấu nền kinh tế chậm chạp và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt khi hội nhập quốc tế...

- *Thị trường hàng hải thế giới* nửa đầu năm 2015 vẫn rất trầm lắng và khó khăn, nhất là đối với phân khúc tàu hàng khô cỡ handysize hoặc nhỏ hơn (như đội tàu Công ty). Tuy giá dầu thế giới giảm nhưng giá cước còn giảm mạnh hơn. Chỉ số BDI giảm khá mạnh, và đã đạt điểm đáy mới là 509 điểm vào ngày 19/02/2015 vừa qua (điểm đáy của năm 2014 là 724 điểm). Công ty dự đoán thị trường VTB sẽ tiếp tục khó khăn trong cả năm 2015, bởi vì: (i) Nhu cầu thương mại quốc tế vẫn còn thấp, do bức tranh kinh tế chung chưa sáng sủa; (ii) Cung đội tàu lớn và vẫn đang tăng thêm, do nhiều chủ tàu tiếp tục đóng mới. Nhìn chung, triển vọng thị trường hàng hải còn rất bấp bênh, nhiều khó khăn.

- *Những khó khăn chính của Công ty trong năm 2015:*

+ Với những khó khăn khách quan nêu trên và do mảng VTB là mảng Công ty đầu tư nhiều nhất, nên năm 2015 vẫn là năm rất khó khăn đối với đội tàu Công ty.

+ Từ năm 2014 trở đi, các DN Logistics Việt Nam sẽ bước vào cuộc đua tranh mới, do Việt Nam mở cửa thị trường này theo lộ trình cam kết gia nhập Tổ chức WTO, sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt hơn, với hàng loạt thách thức mới. Năm 2015 Công ty sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong lĩnh vực dịch vụ logistics, kho bãi, giao nhận...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015

- *Lĩnh vực Vận tải biển:*

+ Năm 2015 dự báo thị trường hàng hải vẫn rất khó khăn, khối VTB cần nâng cao năng lực khai thác quản lý đội tàu, quản lý thuyền viên.

+ Nghiên cứu và mạnh dạn thuê tàu ngoài để khai thác, đề phòng trường hợp Công ty bán bớt tàu.

+ Phát huy mở rộng dịch vụ quản lý thuê đối với tàu của đơn vị khác và triển khai công tác xuất khẩu thuyền viên một cách chuyên nghiệp, có chất lượng.

+ Bên cạnh đó, cần tiếp tục theo dõi sát thị trường mua bán tàu để thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu đội tàu.

+ Tiếp tục và tăng cường hơn nữa công tác đánh giá, phân loại, quản lý và điều động thuyền viên nhằm nâng cao chất lượng và sự gắn kết của thuyền viên với Công ty

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- *Hoạt động giao nhận, kho bãi, đại lý:*

+ Các dịch vụ này tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2015, do đó các đơn vị cần chủ động khắc phục khó khăn, duy trì chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí đầu vào. Đặc biệt cần phải nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường hoạt động tiếp thị - marketing, tìm kiếm và phát triển thêm khách hàng. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư cải tạo kho bãi tại Hải Phòng.

+ Bên cạnh đó, cũng cần tìm tòi hướng đi, cách làm mới trong hoạt động giao nhận vận tải – kho bãi để thích ứng hơn với thời kỳ mở cửa, hội nhập sâu về logistics, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực này.

+ Tổng kết, đánh giá hiệu quả của việc đầu tư xe container tại Hà Nội. Trên cơ sở hiệu quả thực tế, đề xuất khả năng mở rộng đầu tư.

- *Mảng bất động sản:*

Khai thác, quản lý có hiệu quả các toà nhà đang cho thuê, tìm kiếm khách hàng, cố gắng lấp đầy diện tích cho thuê; Đồng thời tiếp tục tiến hành để sớm hoàn thành các thủ tục pháp lý về nhà đất đối với các toà nhà của Công ty hiện đang thuê của Nhà nước tại một số địa phương, để trong trường hợp cần thiết có thể tái cơ cấu được ngay.

- *Công tác đầu tư tài chính:*

+ Tiếp tục thoái vốn khỏi một số công ty LD-LK đã có chủ trương, có thể mở rộng diện thoái vốn nếu cần.

+ Trước động thái thoái vốn của SCIC, TCTy Tân Cảng Sài Gòn, Công ty cần có kế hoạch và cần chủ động tìm kiếm đối tác chiến lược, các cổ đông tiềm năng để họ mua lại... Bên cạnh đó, cần tiếp tục tìm cơ hội hợp tác, liên kết để có thể nhận thêm được nguồn vốn, mở rộng dịch vụ, nhằm tăng thêm doanh thu và lợi nhuận cho Cty.

- *Công tác tài chính, kế toán:* Tăng cường kiểm soát công nợ, tận thu, tiết kiệm chi phí, lành mạnh hoá các cân đối tài chính của Công ty. Cố gắng đáp ứng yêu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD cho các đơn vị.

- *Công tác tổ chức và cán bộ:* Tiếp tục làm tốt công tác tổ chức, công tác quản lý cán bộ, tiền lương và bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó cần tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, kiện toàn tổ chức Công ty nhằm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, vừa để giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị trong Công ty. Duy trì và đảm bảo ổn định thu nhập cho CBCNV

- *Các công tác khác:* Các đơn vị quản lý tổng hợp như Kế toán tài vụ, Hành chính quản trị, Ban Thư ký - Tổng hợp... cần phát huy những thuận lợi và khắc phục những khó khăn, làm tốt chức năng nhiệm vụ, hỗ trợ có hiệu quả khối SXKD hoàn thành nhiệm vụ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Bình Phú

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Phụ lục: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2015

Stt	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	So sánh KH/TH
I	Vốn điều lệ	Tr đ	150,000	150,000	150,000
	<i>Cổ phần nhà nước</i>	<i>Tr đ</i>	76,532	76,532	76,532
	<i>Cổ đông khác</i>	<i>Tr đ</i>	73,468	73,468	73,468
II	Kết quả SXKD				
1	Sản xuất kinh doanh				
	- Doanh thu	Tr đ	296,945	289,024	97.33%
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	132,115	140,477	106.33%
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	164,830	148,547	90.12%
	- Chi phí	Tr đ	308,303	304,629	98.81%
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	147,939	159,865	108.06%
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	160,364	144,764	90.27%
	- Lợi nhuận	Tr đ	-11,358	-15,605	137.39%
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	-15,824	-19,388	122.52%
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	4,466	3,783	84.71%
2	Tài chính				
	<i>Doanh thu</i>	<i>Tr đ</i>	16,659	14,328	86.01%
	<i>Chi phí</i>	<i>Tr đ</i>	14,653	17,523	119.59%
	<i>Lợi nhuận</i>	<i>Tr đ</i>	2,006	-3,195	
3	Bất thường				
	<i>Doanh thu</i>	<i>Tr đ</i>	437	22,000	
	<i>Chi phí</i>	<i>Tr đ</i>	414	0	
	<i>Lợi nhuận</i>	<i>Tr đ</i>	23	22,000	
4	Chi phí QLDN	<i>Tr đ</i>	3,049	3,000	98.40%
5	Lợi nhuận trước thuế	<i>Tr đ</i>	-12,378	200	

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu, qui chế hoạt động của Ban Kiểm soát, các quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu. Ban Kiểm soát nhất trí thông qua báo cáo hoạt động trình Đại hội đồng cổ đông với các nội dung cụ thể như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1.1 Các công tác đã thực hiện năm 2014

- Căn cứ vào kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2014 thông qua ngày 05/6/2014, đại hội đã bầu ông Tô Minh Quang làm thành viên Ban kiểm soát thay ông Nguyễn Tuấn Anh. Ban Kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Ban.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: Căn cứ danh sách 3 đơn vị kiểm toán độc lập đưa vào lựa chọn để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua và ủy quyền, trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn, Ban kiểm soát đã làm việc với các đơn vị liên quan để quyết định việc lựa chọn và đề xuất với Hội đồng Quản trị ra quyết định phê duyệt, giao cho Tổng giám đốc ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế (IFC).

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát:

+ Ban Kiểm soát đã tham gia dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị, soát xét, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc phát hành ra trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Thăm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập trong quá trình soát xét, đánh giá báo cáo Tài chính.

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

+ Ban Kiểm soát họp định kỳ và thường xuyên trao đổi thông tin để nắm bắt được tình hình quản trị Công ty và tổng hợp phân tích trao đổi các ý kiến để đưa ra các biện pháp nhằm mang lại lợi ích chung cho Công ty.

1.2 Định hướng kế hoạch năm 2015:

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.

Tập trung thực hiện kiểm tra, soát xét công tác tái cơ cấu đội tàu của Công ty.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình quản trị Công ty và các tổng kết, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực Vận tải biển, thị trường ảm đạm và ở trong tình trạng suy thoái kéo dài, khả năng Tài chính của Công ty eo hẹp, Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động, khắc phục khó khăn, thực hành tiết kiệm, quyết tâm thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Ban Kiểm soát ghi nhận sự nỗ lực trong hoạt động điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm qua.

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc năm 2014 của Công ty CP Vận tải và thuê tàu - Vietfracht, Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường.

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp (thường kỳ quý/năm, bất thường) và biểu quyết theo hình thức văn bản, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định Pháp luật và của Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.
- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và/hoặc các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật.
- Năm 2014 HĐQT đã ban hành 06 Nghị quyết và 08 Quyết định, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Có sự phối hợp thường xuyên giữa HĐQT với BGD để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.
- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc chỉ đạo sâu sát việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT:

Năm 2014, Ban lãnh đạo Công ty đã có sự thay đổi nhân sự cấp cao, Ông Trần Bình Phú được bổ nhiệm chức danh TGD thay ông Ngô Xuân Hồng và đã được ĐHĐCĐ ngày 05/6/2014 bầu làm thành viên HĐQT của Công ty. Ngay khi được bổ nhiệm, nhận nhiệm vụ, Tổng Giám đốc đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện các mục tiêu của ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường không bị gián đoạn.

Ban Giám đốc đã kiện toàn lại công tác tổ chức, sắp xếp lại một số phòng ban, rà soát thuyền viên, đánh giá cán bộ..., nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí, tập hợp, đoàn kết trong nội bộ quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chung.

Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, thực hiện quyền hạn nhiệm vụ được giao theo đúng các qui định của Pháp luật và Cty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

III. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014

- Các báo cáo tài chính (BCTC) định kỳ của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Các BCTC cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành đối với công ty niêm yết.
- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập về BCTC hợp nhất năm 2014: BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Nhất trí với BCTC Năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC). Qua việc soát xét BCTC năm, trao đổi với Ban Giám đốc và kiểm toán viên, Ban Kiểm soát cho rằng BCTC năm của Công ty đã phản ánh một cách trung thực tình hình tài chính của Công ty trong năm 2014 và tại thời điểm 31/12/2014.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ Tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu	314,04	346,33	90,68
2	Tổng chi phí	326,42	346,08	94,32
3	Lợi nhuận trước thuế	-12,38	0,25	
4	Lợi nhuận sau thuế	-12,38	0,25	

Năm 2014 Công ty lỗ, không hoàn thành kế hoạch theo nghị quyết của ĐHĐCĐ giao. Đi sâu phân tích thì các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 được xây dựng trên cơ sở kèm theo điều kiện: Giảm trích khấu hao 30% của đội tàu (tương đương khoảng 13,26 tỷ đồng), không có biến động về tỷ giá, lãi suất. Tuy nhiên các điều kiện này đều không được đáp ứng (ĐHĐCĐ không chấp thuận). Xét về cơ cấu lợi nhuận của Công ty thì ngoài mảng vận tải biển lỗ khá lớn (chiếm tỷ trọng cao), các dịch vụ trên bờ đều có lãi nhưng không đủ bù đắp cho khoản lỗ, điều này phản ánh đúng tình hình kinh doanh của Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Việc tái cơ cấu đội tàu: Thực hiện chủ trương tái cơ cấu đội tàu của ĐHĐCĐ, HĐQT nhằm cắt lỗ, giảm chi phí hoạt động cho Công ty, Ban điều hành đã chỉ đạo thành lập Hội đồng bán tàu gồm 09 thành viên, tích cực triển khai các thủ tục chào bán tàu, do thị trường mua bán tàu biển rất trầm lắng, tàu VF GLORY không có người mua nào đăng ký khảo sát, tàu Blue Lotus được khách hàng quan tâm nhất đã giám định tàu và tham gia trả giá cạnh tranh nhưng vẫn thấp hơn giá HĐQT và thẩm định giá đưa ra. Đến nay vẫn chưa bán được tàu nào, Hội đồng bán tàu vẫn tiếp tục cập nhật lịch tàu trên thị trường để tìm kiếm người mua.

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức 5% bằng tiền mặt cho các cổ đông.

Kiện toàn bộ máy tổ chức, hoàn thành các thủ tục tái sắp xếp, bổ nhiệm nhân sự của Công ty.

Căn cứ vào điều 11 của Nghị quyết ĐHĐCĐ, ngày 02/7/2014 HĐQT đã ký, ban hành quyết định số 215/VF-HĐQT sửa đổi điều 41 Điều lệ Công ty.

Đã thoái vốn tại Công ty CP ĐTXD Trung Hưng và 24% tại Công ty Dimerco chỉ còn giữ lại 25% vốn tại Công ty này. Các công ty khác đang tiếp tục triển khai theo kế hoạch.

Không thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014.

V. Một số kiến nghị, đề xuất

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu đội tàu, định kỳ Hội đồng bán tàu cần lập báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất với Ban Điều hành, Hội đồng quản trị phương án xử lý tiếp theo (giá bán, khách hàng...vv, hoặc phương án khác) trong trường hợp chưa bán được tàu.
- Cơ cấu lại các khoản Đầu tư tại các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.
- Cân đối nguồn lực tài chính và nhân sự hợp lý cho các mảng hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Tăng cường kiểm soát công nợ, tiết kiệm chi phí. Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, kế hoạch dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, hạn chế rủi ro chi phí vốn tăng cao và biến động tỷ giá bất lợi. Sử dụng hợp lý, đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn thu được từ tái cơ cấu tài sản, đem lại cổ tức cho các cổ đông.
- Giám sát và quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải biển, tiết kiệm chi phí, quản lý thuyền viên, chủ tàu, rà soát các định mức chi phí hoạt động của các tàu (dầu FO, DO, vật tư thay thế...) ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động của đội tàu, tiến tới giảm lỗ.
- Tiếp tục rà soát các quy chế quản lý nội bộ để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với qui định của pháp luật và của công ty.
- Đối với các khoản nợ vay Ngân hàng sắp đến hạn cần chủ động cân đối dòng tiền, nguồn vốn để trả nợ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Trần Thị Thanh Hà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Trần Bình Phú	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2014)
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2014)
Ông Ngô Minh Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Long	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2014)
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2014)
Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2014)
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Bình Phú

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho:

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2015

A blue ink signature, likely of the auditor Nguyễn Nam Cường.

Nguyễn Nam Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.294.111.128	105.883.774.323
I. Tiền và khoản tương đương tiền	110	V.1	57.076.989.113	56.678.654.385
1. Tiền	111		56.076.989.113	43.678.654.385
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.258.565.407	30.289.774.131
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	14.875.126.730	14.280.723.522
2. Trả trước cho người bán	132		9.696.730.766	5.033.741.433
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	14.208.455.327	11.497.056.592
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(521.747.416)	(521.747.416)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.958.556.608	18.915.345.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	4.553.339.308	4.162.931.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.830.975.386	8.910.928.821
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	240.113.768	23.733.861
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	5.334.128.146	5.817.751.625
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		476.639.025.639	509.153.819.184
I. Tài sản cố định	220		409.250.699.230	455.309.675.875
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	398.757.609.644	444.803.931.856
- Nguyên giá	222		654.125.737.944	650.900.158.604
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.368.128.300)	(206.096.226.748)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.055.097.914	10.073.665.947
- Nguyên giá	228		10.107.097.914	10.107.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.000.000)	(33.431.967)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	437.991.672	432.078.072
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		57.033.111.309	53.844.143.309
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	35.466.400.000	31.795.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	13.066.711.309	13.448.743.309
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	8.500.000.000	8.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.355.215.100	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	10.355.215.100	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		583.933.136.767	615.037.593.507

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		342.042.022.508	352.858.639.294
I. Nợ ngắn hạn	310		92.895.459.242	72.947.030.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	32.487.593.862	10.302.399.680
2. Phải trả người bán	312	V.15	23.099.012.337	29.515.227.270
3. Người mua trả tiền trước	313		131.076.277	21.273.214
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.656.675.470	6.011.814.303
5. Phải trả người lao động	315		11.458.643.648	12.037.890.807
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3.251.270.556	860.247.159
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	15.068.411.217	12.173.586.201
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		742.775.875	2.024.592.085
II. Nợ dài hạn	330		249.146.563.266	279.911.608.575
1. Phải trả dài hạn khác	333		389.006.000	350.566.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	248.033.920.397	278.416.484.722
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		723.636.869	1.144.557.853
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		241.891.114.259	262.178.954.213
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	241.891.114.259	262.178.954.213
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.410.429.248	3.410.429.248
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.706.844.651	22.706.844.651
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.306.987.274	10.306.987.274
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.466.853.086	75.754.693.040
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		583.933.136.767	615.037.593.507

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ (USD)		1.479.088,09	1.356.336,52
Euro (EUR)		359,85	370,77
Yên Nhật (JPY)		30.701,00	32.153,00
Đô la Singapore (SGD)		527,80	594,88



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Trần Bình Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phúc
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.945.321.940	295.005.529.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.945.321.940	295.005.529.625
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	304.490.454.504	311.698.428.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(7.545.132.564)	(16.692.899.194)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.658.551.173	17.654.942.652
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.652.775.473	21.864.849.013
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.268.461.324	16.783.417.395
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.862.117.082	7.834.157.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.401.473.946)	(28.736.963.254)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	436.853.750	42.175.062.874
12. Chi phí khác	32	VI.6	414.019.758	13.218.611.539
13. Lợi nhuận khác	40		22.833.992	28.956.451.335
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.378.639.954)	219.488.081
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(12.378.639.954)	219.488.081



Handwritten signature in black ink

Handwritten signature in blue ink

Trần Bình Phú
Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phúc
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(12.378.639.954)	219.488.081
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	50.072.256.606	51.148.071.514
- Các khoản dự phòng	03	-	56.444.022
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.083.529.737	60.428.417
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.975.075.187)	(40.324.970.379)
- Chi phí lãi vay	06	12.268.461.324	16.783.417.395
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	36.070.532.526	27.942.879.050
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	513.662.159	(19.286.095.735)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	58.356.327
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.411.450.664)	(359.992.467)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.745.622.908)	1.240.755.317
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.392.060.647)	(15.788.047.517)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	267.243.572	3.753.298.195
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(382.480.984)	(3.174.672.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.919.823.054	(5.613.519.736)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.013.279.961)	(3.560.714.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	29.628.716.186
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	13.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	(12.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.671.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	482.032.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.572.575.187	14.841.469.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.370.327.226	41.909.471.050
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.469.679.174
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.302.399.680)	(37.303.273.303)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.802.399.680)	(35.833.594.129)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	487.750.600	462.357.185
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	56.678.654.385	56.276.725.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(89.415.872)	(60.428.417)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	57.076.989.113	56.678.654.385



Trần Bình Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thanh Thủy
Kê toán trưởng

Nguyễn Hồng Phúc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100105937 thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), tổng số cổ phần là 15.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31.5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Giao nhận vận chuyển phụ tùng sửa chữa tàu biển;
- Cung cấp các dịch vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyên khâu hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hóa phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Vận tải hành khách bằng ô tô;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hóa;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 406 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 410 người).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu bao gồm:

Đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh	
Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Thuê tàu tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 11, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm quản lý kho bãi. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất. Phần mềm quản lý kho bãi được Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ là chi phí sửa chữa lớn tàu biển Blue Lotus được phân bổ trong thời gian 2,5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	906.186.969	1.560.388.208
Tiền gửi ngân hàng	55.170.802.144	42.118.266.177
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	57.076.989.113	56.678.654.385

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh, lãi suất 4,9%/năm.

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hoạt động vận tải biển	3.630.680.191	4.269.603.115
Hoạt động giao nhận vận tải	6.320.291.339	5.565.496.786
Hoạt động kinh doanh kho bãi	3.780.028.960	3.047.918.499
Hoạt động kinh doanh khác	1.144.126.240	1.397.705.122
Cộng	14.875.126.730	14.280.723.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	5.229.333.970
Tiền ứng cho các thuyền viên	1.250.127.462	2.023.577.018
MMI Ship Singapore	1.347.786.330	1.247.786.330
Tiền góp vốn 3 bên thành lập Công ty TNHH	1.846.438.273	1.846.438.273
Phải thu khác	4.534.769.292	1.149.921.001
Cộng	14.208.455.327	11.497.056.592

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	634.455.007	-
Chi phí bồi thường bảo hiểm	-	4.162.931.500
Chi phí trả trước ngắn hạn khác (*)	3.918.884.301	-
Cộng	4.553.339.308	4.162.931.500

(*) Đây là khoản chi phí tiền dầu chưa sử dụng trên các tàu vận tải biển tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	20.301.526	23.733.861
Thuế TNDN nộp thừa	219.812.242	-
Cộng	240.113.768	23.733.861

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	4.405.776.022	4.865.124.501
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	928.352.124	952.627.124
Cộng	5.334.128.146	5.817.751.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	49.623.777.383	528.168.429	599.275.982.568	1.369.373.081	102.857.143	650.900.158.604
Mua trong năm	-	-	3.704.305.454	303.060.907	-	4.007.366.361
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(493.500.000)	(116.589.800)	-	(610.089.800)
Giảm khác (i)	-	-	-	(171.697.221)	-	(171.697.221)
Tại ngày 31/12/2014	49.623.777.383	528.168.429	602.486.788.022	1.384.146.967	102.857.143	654.125.737.944
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	15.760.288.722	512.963.212	188.461.659.022	1.258.458.649	102.857.143	206.096.226.748
Khấu hao trong năm	2.274.463.082	2.993.551	47.647.550.941	128.680.999	-	50.053.688.573
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(493.500.000)	(116.589.800)	-	(610.089.800)
Giảm khác (i)	-	-	-	(171.697.221)	-	(171.697.221)
Tại ngày 31/12/2014	18.034.751.804	515.956.763	235.615.709.963	1.098.852.627	102.857.143	255.368.128.300
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	33.863.488.661	15.205.217	410.814.323.546	110.914.432	-	444.803.931.856
Tại ngày 31/12/2014	31.589.025.579	12.211.666	366.871.078.059	285.294.340	-	398.757.609.644

(i) Công ty thực hiện ghi giảm tài sản cố định hữu hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.750.789.612 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 360.704.942.034 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định vô hình**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	10.055.097.914	52.000.000	10.107.097.914
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	10.055.097.914	52.000.000	10.107.097.914
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	33.431.967	33.431.967
Khấu hao trong năm	-	18.568.033	18.568.033
Tại ngày 31/12/2014	-	52.000.000	52.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	10.055.097.914	18.568.033	10.073.665.947
Tại ngày 31/12/2014	10.055.097.914	-	10.055.097.914

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Các Dự án khác	162.009.763	156.096.163
Cộng	437.991.672	432.078.072

10. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị vốn góp VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị vốn góp VND
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	78.664	7.866.400.000	41.954	4.195.400.000
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	2.760.000	27.600.000.000	2.760.000	27.600.000.000
Cộng		35.466.400.000		31.795.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Đà Nẵng	52,44%	52,44%	Kinh doanh vận tải, đại lý tàu biển, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Hưng Yên	92,00%	92,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải

11. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết		9.959.069.200		10.341.101.200
Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	26.265	2.626.500.000	26.265	2.626.500.000
Công ty CP In Viễn Đông	540.000	5.400.000.000	540.000	5.400.000.000
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam		1.534.595.200		1.534.595.200
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht		397.974.000		780.006.000
Vốn góp liên doanh		3.107.642.109		3.107.642.109
Công ty Liên doanh Vận tải biển thế kỷ Nol/CSS - Singapore		1.187.642.109		1.187.642.109
Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam		1.440.000.000		1.440.000.000
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	48.000	480.000.000	48.000	480.000.000
Cộng		13.066.711.309		13.448.743.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh (Tiếp theo)**

Tên công ty liên kết, công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	Hồ Chí Minh	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP In Viễn Đông	Hung Yên	30,00%	30,00%	In ấn, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Hà Nội	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	25,00%	25,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, giao nhận, kinh doanh kho bãi
Công ty Liên doanh Vận tải biển thế kỷ Nol/CSS - Singapore	Singapore	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam	Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

12. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)	1.040.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Hưng	-	-	10.000	100.000.000
Cộng		8.500.000.000		8.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Đầu tư dài hạn khác (Tiếp theo)**

(*): Trong năm Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng. Theo đó Công ty được nhận 640.000 cổ phiếu tương ứng mệnh giá là 6.400.000.00 đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lên đà tàu Blue - Lotus	10.355.215.100	-
Cộng	10.355.215.100	-

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	32.487.593.862	10.302.399.680
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Tàu VF-Glory)	16.159.660.434	421.800.000
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (Tàu Blue Lotus)	10.894.311.420	3.283.946.580
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (Tàu Thăng Long)	5.433.622.008	6.596.653.100
Cộng	32.487.593.862	10.302.399.680

(*) Xem thuyết minh V.19

15. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà cung cấp cho hoạt động vận tải biển	3.003.176.835	4.788.796.118
Nhà cung cấp cho hoạt động giao nhận vận tải	2.894.199.642	3.733.736.037
Nhà cung cấp cho dịch vụ kho bãi	2.220.726.315	4.086.273.398
Nhà cung cấp khác	14.980.909.545	16.906.421.717
Cộng	23.099.012.337	29.515.227.270

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	441.200.867	133.266.277
Thuế thu nhập cá nhân	715.193.568	481.887.870
Các loại thuế khác	5.500.281.035	5.396.660.156
Cộng	6.656.675.470	6.011.814.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả	876.400.677	-
Trích trước chi phí phát sinh chưa có hóa đơn	2.374.869.879	860.247.159
Cộng	3.251.270.556	860.247.159

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	264.132.136	726.266.647
Bảo hiểm xã hội	493.936.192	100.996.940
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	5.110.417.271	1.398.230.603
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.199.925.618	9.948.092.011
<u>Trong đó:</u>		
<i>Phải trả các hãng tàu</i>	<i>3.952.504.661</i>	<i>5.244.254.560</i>
<i>Chuyển số dư phải trả của xí nghiệp Mol về Công ty</i>	<i>1.371.639.899</i>	<i>1.371.639.899</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>3.875.781.058</i>	<i>3.332.197.552</i>
Cộng	15.068.411.217	12.173.586.201

19. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	280.521.514.259	288.718.884.402
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Tàu Vietfracht - Glory) {i}	87.922.062.599	87.698.289.702
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	<i>87.922.062.599</i>	<i>87.698.289.702</i>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (Tàu Blue - Lotus) {ii}	111.131.664.660	116.886.173.450
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	<i>111.131.664.660</i>	<i>116.886.173.450</i>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (Tàu Thăng Long) {iii}	81.467.787.000	84.134.421.250
+ <i>Bằng Đô la Mỹ</i>	<i>81.467.787.000</i>	<i>84.134.421.250</i>
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(32.487.593.862)	(10.302.399.680)
Cộng	248.033.920.397	278.416.484.722

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

- {i}: Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 103/MSBHCM-VFR ngày 31 tháng 12 năm 2007 và phụ lục hợp đồng số 103.01/2013/PLHĐTD ngày 02 tháng 07 năm 2013. Tổng số tiền vay là 12.070.000 đô la Mỹ, thời hạn vay là 8 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam cộng 2%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.000 DWT (Tàu Vietfracht - Glory), khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư ngoại tệ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.138.287,80 đô la mỹ.
- {ii}: Khoản vay Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex Việt Nam theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HDDTDDDH/PGB-HO ngày 09 tháng 06 năm 2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12 tháng 11 năm 2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất áp dụng là 5,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 14.187 DWT (tàu Blue - Lotus). Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Số dư ngoại tệ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.230.800 đô la Mỹ.
- {iii}: Khoản vay Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTC/PGN-HO ngày 05 tháng 10 năm 2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250/2013/CV-PGB ngày 12 tháng 11 năm 2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất áp dụng là 3,95%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất áp dụng tại ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.934 DWT (tàu Thăng Long), khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư ngoại tệ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.834.500 đô la Mỹ.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả nợ theo lịch biểu sau:

	Số dư 31/12/2014 VND	Gốc vay phải trả		
		Trong vòng một năm VND	Từ một năm đến năm năm VND	Sau năm thứ năm VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Tàu Vietfracht - Glory)	87.922.062.599	16.159.660.434	71.762.402.165	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (Tàu Blue - Lotus)	111.131.664.660	10.894.311.420	66.823.599.072	33.413.754.168
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (Tàu Thăng Long)	81.467.787.000	5.433.622.008	60.827.382.984	15.206.782.008
Cộng	280.521.514.259	32.487.593.862	199.413.384.221	48.620.536.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**20. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	3.410.429.248	22.706.844.651	10.306.987.274	76.190.149.237	262.614.410.410
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	219.488.081	219.488.081
Giảm khác	-	-	-	-	(654.944.278)	(654.944.278)
Tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	3.410.429.248	22.706.844.651	10.306.987.274	75.754.693.040	262.178.954.213
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(12.378.639.954)	(12.378.639.954)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thu lao HĐQT 2013	-	-	-	-	(409.200.000)	(409.200.000)
Tại ngày 31/12/2014	150.000.000.000	3.410.429.248	22.706.844.651	10.306.987.274	55.466.853.086	241.891.114.259

(*) Trong năm Công ty thực hiện chi trả cổ tức căn cứ lợi nhuận năm 2011, 2012 và 2013 cho chủ sở hữu theo Nghị quyết số 104/VF-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 06 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông. Theo nghị quyết Công ty chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ 5% mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	76.532.000.000	76.532.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	73.468.000.000	73.468.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động là bộ phận vận tải biển, bộ phận giao nhận vận tải, bộ phận kinh doanh kho bãi và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán bộ phận**

Tại ngày 31/12/2014	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động giao nhận vận tải VND	Hoạt động kinh doanh kho bãi VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	378.853.768.825	6.320.291.339	3.780.028.960	1.144.126.240	390.098.215.364
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	193.834.921.403
Tổng tài sản	378.853.768.825	6.320.291.339	3.780.028.960	1.144.126.240	583.933.136.767
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	283.524.691.094	2.894.199.642	2.220.726.315	-	288.639.617.051
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	53.402.405.457
Tổng nợ phải trả	283.524.691.094	2.894.199.642	2.220.726.315	-	342.042.022.508
Tại ngày 01/01/2014					
Tài sản					
Tài sản bộ phận	431.280.682.972	5.565.496.786	3.047.918.499	1.397.705.122	441.291.803.379
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	173.745.790.128
Tổng tài sản	431.280.682.972	5.565.496.786	3.047.918.499	1.397.705.122	615.037.593.507
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	293.507.680.520	3.733.736.037	4.086.273.398	16.906.421.717	318.234.111.672
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	34.624.527.622
Tổng nợ phải trả	293.507.680.520	3.733.736.037	4.086.273.398	16.906.421.717	352.858.639.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Kết quả kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động giao nhận vận tải VND	Hoạt động kinh doanh kho bãi VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	132.060.566.419	81.752.901.159	66.587.366.730	16.544.487.632	296.945.321.940
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	132.060.566.419	81.752.901.159	66.587.366.730	16.544.487.632	296.945.321.940
Khấu hao và chi phí phân bổ	158.319.553.234	76.693.561.219	62.581.117.944	13.758.339.189	311.352.571.586
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(26.258.986.815)	5.059.339.940	4.006.248.786	2.786.148.443	(14.407.249.646)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(26.258.986.815)	5.059.339.940	4.006.248.786	2.786.148.443	(14.407.249.646)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	16.658.551.173
Lãi (lỗ) khác					22.833.992
Chi phí tài chính					14.652.775.473
Lợi nhuận trước thuế					(12.378.639.954)
Chi phí thuế TNDN					-
Lợi nhuận trong kỳ					(12.378.639.954)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Kết quả kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động giao nhận vận tải VND	Hoạt động kinh doanh kho bãi VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	125.495.701.139	83.889.370.729	71.866.209.753	13.754.248.004	295.005.529.625
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	125.495.701.139	83.889.370.729	71.866.209.753	13.754.248.004	295.005.529.625
Khấu hao và chi phí phân bổ	160.662.011.672	79.740.659.782	65.938.413.256	13.191.501.808	319.532.586.518
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(35.166.310.533)	4.148.710.947	5.927.796.497	562.746.196	(24.527.056.893)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(35.166.310.533)	4.148.710.947	5.927.796.497	562.746.196	(24.527.056.893)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	17.654.942.652
Lãi (lỗ) khác					28.956.451.335
Chi phí tài chính					21.864.849.013
Lợi nhuận trước thuế					219.488.081
Chi phí thuế TNDN					-
Lợi nhuận trong kỳ					219.488.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đồng thời, hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty cũng diễn ra tại các chi nhánh tại tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty lập Báo cáo Bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty tại Hà nội VND	Chi nhánh Công ty tại tỉnh Quảng Ninh VND	Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng VND	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	145.801.294.580	1.433.417.539	73.015.666.972	76.694.942.849	296.945.321.940
2. Tài sản bộ phận	497.735.264.214	4.900.399.279	38.928.801.471	42.368.671.803	583.933.136.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	132.060.566.419	125.495.701.139
Doanh thu cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải	81.752.901.159	83.889.370.729
Doanh thu cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	66.587.366.730	71.866.209.753
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	16.544.487.632	13.754.248.004
Cộng	296.945.321.940	295.005.529.625

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	155.267.762.208	157.329.351.723
Giá vốn cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải	74.804.331.323	77.147.638.870
Giá vốn cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	61.042.348.774	64.029.936.417
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	13.376.012.199	13.191.501.808
Cộng	304.490.454.504	311.698.428.819

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.077.763.168	1.347.121.444
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.897.312.019	14.759.477.170
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	683.475.986	1.548.344.038
Cộng	16.658.551.173	17.654.942.652

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.268.461.324	16.783.417.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	342.543.398	5.003.831.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.994.113.865	60.428.417
Chi phí tài chính khác	47.656.886	17.171.705
Cộng	14.652.775.473	21.864.849.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Thu nhập khác**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu về tiền bồi thường bảo hiểm	329.604.163	12.487.308.115
Thanh lý tài sản	-	29.628.916.186
Thu khác	107.249.587	58.838.573
Cộng	436.853.750	42.175.062.874

6. Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	-	6.708.327.400
Chi phí khắc phục sự cố tàu	-	6.505.297.384
Chi khác	414.019.758	4.986.755
Cộng	414.019.758	13.218.611.539

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	53.701.989.447	57.658.382.004
Chi phí nhân công	43.455.018.556	39.210.653.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.072.256.606	51.142.957.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.513.317.892	147.947.318.701
Chi phí khác bằng tiền	70.024.008.843	23.573.274.309
Cộng	311.766.591.344	319.532.586.518

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.076.989.113	56.678.654.385
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.561.834.641	25.256.032.698
Đầu tư dài hạn	8.500.000.000	8.600.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	928.352.124	952.627.124
Cộng	95.067.175.878	91.487.314.207

Công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	280.521.514.259	288.718.884.402
Phải trả người bán và phải trả khác	38.556.429.554	42.039.379.471
Chi phí phải trả	3.251.270.556	860.247.159
Cộng	322.329.214.369	331.618.511.032

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	290.213.674.122	292.722.438.671	41.124.752.939	28.605.137.207
Euro (EUR)	-	-	9.320.057	10.729.404
Yên Nhật (JPY)	-	-	5.464.778	6.418.185
Đô la Singapore (SGD)	-	-	8.484.913	9.102.719
Cộng	290.213.674.122	292.722.438.671	41.148.022.687	28.631.387.515

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	38.167.423.554	389.006.000	-	38.556.429.554
Chi phí phải trả	3.251.270.556	-	-	3.251.270.556
Các khoản vay	32.487.593.862	199.413.384.221	48.620.536.176	280.521.514.259
Tại ngày 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	41.688.813.471	350.566.000	-	42.039.379.471
Chi phí phải trả	860.247.159	-	-	860.247.159
Các khoản vay	10.302.399.680	202.779.035.402	75.637.449.320	288.718.884.402

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.076.989.113	-	-	57.076.989.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.561.834.641	-	-	28.561.834.641
Đầu tư dài hạn	-	8.500.000.000	-	8.500.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	928.352.124	-	-	928.352.124
Tại ngày 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.678.654.385	-	-	56.678.654.385
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.256.032.698	-	-	25.256.032.698
Đầu tư dài hạn	-	8.600.000.000	-	8.600.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	952.627.124	-	-	952.627.124

2. Thông tin về bên liên quan

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu		
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	198.272.728	71.181.818
Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	190.393.825	190.778.821
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin VN	298.755.012	293.657.434
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	215.224.156	179.149.756
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	1.369.434.781	1.658.837.623
Cổ tức đã nhận		
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	755.172.000	755.172.000
Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	1.402.345.725	1.020.000.000
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin VN	2.604.639.100	1.939.637.070
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	2.196.505.194	508.688.100
Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam	1.910.250.000	757.080.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Mua hàng		
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	1.090.909	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin VN	19.561.833	7.407.957
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	-	521.750

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	1.402.500.000	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin VN	120.022.116	167.232.704
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	46.838.770	49.773.863
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	119.462.593	320.211.290
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin VN	406.765.659	106.061.325
Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	20.399.649	57.109.554

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	409.200.000
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	904.000.000	918.500.000

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam - CPA Vietnam.



Trần Bình Phú
Tổng Giám đốc


Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phúc
Người lập

CƠ CẤU LÃNH ĐẠO CÔNG TY



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

		Ông Trần Văn Quý CT HĐQT	
--	---	------------------------------------	--

	Ông Trần Bình Phú UV HĐQT		Ông Nguyễn Tiến Long UV HĐQT
---	-------------------------------------	---	--

	Ông Ngô Minh Thuận UV HĐQT		Ông Nguyễn Quang Thoại UV HĐQT
--	--------------------------------------	--	--

		Bà Trần Thị Thanh Hà Trưởng BKS	
--	---	---	--

	Ông Nguyễn Giang Tiên TV BKS		Ông Tô Minh Quang TV BKS
---	--	---	------------------------------------

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trần Bình Phú
UV HĐQT



Ông Lê Văn Thành
Phó TGD



Ông Nguyễn Thành Luyện
Phó TGD



Ông Nghiêm Minh Tiến
Phó TGD



Ông Vũ Anh Tú
Phó TGD



Ông Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

LÝ LỊCH TÓM TẮT THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Trần Văn Quý – CT HĐQT

Sinh ngày 03/12/1954, Kỹ sư kinh tế Vận tải biển, từ năm 1985 Ông là Thuyền trưởng các tàu của Vietfracht, từ năm 1993 đến năm 1996 ông đảm nhận các chức vụ Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 1998 Ông giữ chức vụ Giám đốc xí nghiệp APL (ASACO), từ năm 2000 đến năm 2003 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh APL Việt Nam và Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 2004 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2006 Ông giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2009 Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556

Số CP sở hữu cá nhân: 2.000

Số CP nắm giữ: 2.527.556

Ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc

Sinh ngày 21/02/1960, cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht). Từ tháng 6 năm 2014 đến nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556

Số CP sở hữu cá nhân: 4.200

Số CP nắm giữ: 2.529.756

Ông Nguyễn Tiến Long – UV HĐQT

Sinh ngày 19/04/1981, Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, từ năm 2003 đến năm 2008 Ông đảm nhiệm chức vụ cán bộ phòng Quan hệ khách hàng – Chi nhánh ngân hàng ngoại thương Hà Nội. Từ năm 2008 đến nay Ông giữ chức vụ Chuyên viên Ban Quản lý vốn đầu tư 2 – Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.602.088

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 2.602.088

Ông Ngô Minh Thuận – UV HĐQT

Sinh ngày 07/02/1971, Thạc sĩ kinh tế Vận tải biển, từ năm 1994 đến năm 2007 Ông lần lượt giữ các chức vụ nhân viên điều độ, Trợ lý điều hành sản xuất – XN Cảng Cát Lái, Đội trưởng Trực ban sản xuất – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc kiêm Trực ban SX – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc và Giám đốc Trung tâm điều độ, từ năm 2009 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Số CP Đại diện phần vốn của cổ đông chiến lược: 1.000.000

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 1.000.000

Ông Nguyễn Quang Thoai – UV HĐQT

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1983 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó và Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD CSS, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Cty Dịch vụ Hàng hải, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến năm 2011 Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN..

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 5.900

Số CP nắm giữ: 5.900

LÝ LỊCH TÓM TẮT THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Thanh Hà - Trưởng BKS

Sinh ngày 25/12/1968, Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán, từ năm 1990 đến năm 1999 Bà là chuyên viên kế toán tại Cty sản xuất kinh doanh XNK Prosimex, từ năm 1999 đến năm 2009 Bà lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Phó phòng TCKT, Trưởng Ban kiểm soát, Chuyên viên – Cty SX KD XNK Prosimex, từ năm 2009 cho đến nay Bà là Chuyên viên Ban TCKT – Tổng Cty Đầu Tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 0

Ông Nguyễn Giang Tiến - UV BKS

Sinh ngày 17/03/1951, Cử nhân Kinh tế đối ngoại, từ năm 1978 đến năm 2003 Ông lần lượt giữ các chức vụ Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, năm 2003 ông giữ các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, UV HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, tháng 10/2006 Ông giữ chức vụ Phó TGD Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), tháng 3 năm 2011 Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 3.300

Số CP nắm giữ: 3.300

Ông Tô Minh Quang – UV BKS

Sinh ngày 02/12/1966, kỹ sư Công nghệ thông tin, kế toán - ĐH Bách Khoa HN, từ năm 1988 đến năm 1993 Ông là thuyền viên, cán bộ các phòng Hành chính Quản trị, Phòng Tổng Hợp, Phòng Kế toán tài vụ của Công ty, từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Trưởng phòng Đầu Tư & Phát triển, từ tháng 7 năm 2012 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Đầu tư và Phát triển Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 0

LÝ LỊCH TÓM TẮT THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc

Sinh ngày 21/02/1960 cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht). Từ tháng 6 năm 2014 đến nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556

Số CP sở hữu cá nhân: 4.200

Số CP nắm giữ: 2.529.756

Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/05/1963 kỹ sư Hàng Hải ngành điều khiển tàu biển, từ năm 1987 đến năm 2005 Ông giữ các chức vụ Thủy thủ, Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển Vietfracht, từ năm 2005 đến năm 2011 Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chuyên viên phòng Vận tải biển, phó trưởng phòng Vận tải biển, Phó trưởng phòng Quản lý tàu, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Vận tải biển và Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Vận tải biển, từ tháng... năm 2011 đến nay Ông giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 500

Số CP nắm giữ: 500

Nguyễn Thành Luyên – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 01/07/1959 Thạc sỹ kinh tế Ngoại thương, từ năm 1980 đến năm 2004 Ông làm chuyên viên tại các phòng quản lý và nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 1 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng QLBTXD, Phụ trách phòng QLBTXD, Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 0

Ông Nghiêm Minh Tiên – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/06/1959 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh UBI – Brusel, Cử nhân kinh tế Ngoại Thương, cử nhân luật ĐH Luật HN, từ năm 1981 đến năm 1989 Ông tham gia lực lượng vũ trang, từ năm 1989 đến năm 1992 Ông làm Trưởng phòng XNK Công ty Đầu tư Hà Nội, từ năm 1992 đến năm 1998 Ông làm Cán bộ phòng Đại lý HAS – VFHCM và đảm nhiệm chức vụ Phó Phòng đại lý HAS – VFHCM, từ năm 1998 đến tháng 8 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Đại lý SSPL, Phó Giám đốc chi nhánh VFHCM, Giám đốc chi nhánh VFHCM, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 0

Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 29/09/1957 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1979 đến năm 1989 Ông làm cán bộ phòng Nghiệp vụ XNK Cty GNKV Ngoại thương Hải Phòng, từ năm 1989 đến năm 1995 Ông là cán bộ Chi nhánh Công ty Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng, từ năm 1996 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Trưởng phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Phó GD chi nhánh VFHP, Giám đốc chi nhánh VFHP, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 2.500

Số CP nắm giữ: 2.500

Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng

Sinh ngày 26/10/1957 Thạc sỹ kinh tế từ năm 1981 đến năm 1999 Ông giữ các chức vụ giáo viên Trường cao cấp NV Ngân hàng, chuyên viên phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó phòng kiểm toán nội bộ, Từ năm 2001 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, từ tháng 11 năm 2008 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 200

Số CP nắm giữ: 200

QUYỀN LỢI CỦA HĐQT và BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Quy chế trả lương như sau:

Hệ số lương: theo qui định của ND 205/2004/CP ngày 14/12/2006

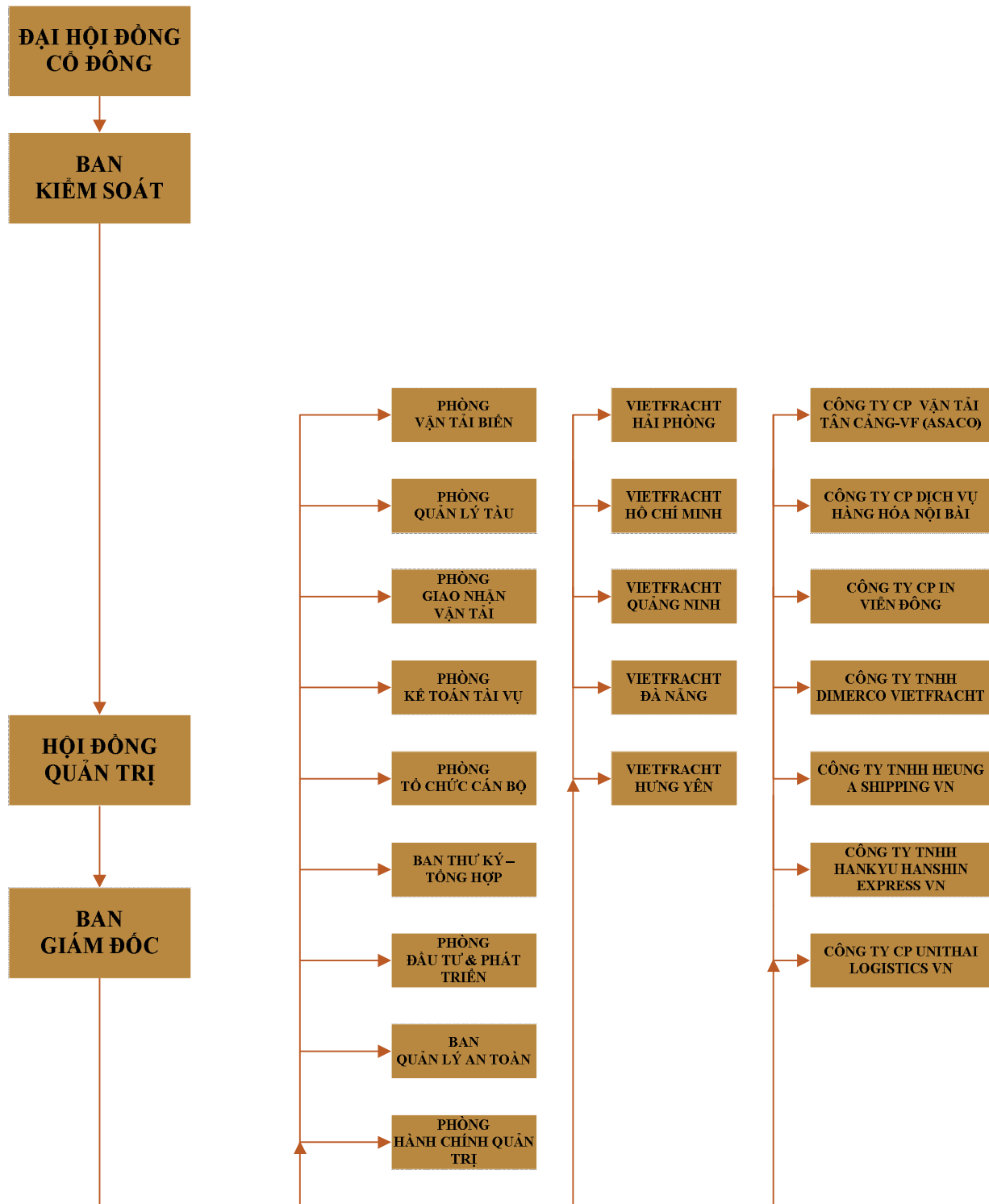
- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc 2/2 - Hệ số 7,3
- Ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc: Bậc 1/2 - Hệ số 6,64
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc 2/2 - Hệ số 5,98

Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:

- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 13,00
- Ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 12,00
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc 2/2 – Hệ số 10,5

Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NĂM 2014



CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trình độ	Số lượng
Trên Đại học	08
Đại học	286
Khác	182
Tổng số	476

Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng dạy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT NẪM GIỮ TRÊN 50 % VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHĐT Tp Đà Nẵng.

Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Vốn Điều lệ: 15.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 7.866.400.000 đồng, chiếm 52,44 % vốn ĐL

Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

2. Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900245281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2008.

Trụ sở chính: Km 24, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 27.600.000.000 đồng, chiếm 92% vốn Điều lệ.

Ngành kinh doanh: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sắt, vận tải quá cảnh, vận tải đa phương thức; Đại lý giao nhận vận tải và tiếp vận (logistics); Kinh doanh cảng cạn (ICD), kho bãi container, kho ngoại quan; Môi giới hàng hải, XNK hàng hoá; Kinh doanh Bất động sản.

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT NẪM GIỮ DƯỚI 50 % VỐN ĐIỀU LỆ

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty TNHH Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	09/12/2005	397,974,000	25%
2	Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Viet Nam	Hà Nội	07/07/2008	1,534,595,200	49 %
3	Công ty CP Tân Cảng-VF (ASACO)	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,626,500,000	34 %
4	Công ty TNHH Heung-A Shipping Viet Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,440,000,000	30 %
5	Công ty CP In Viễn Đông	Hưng Yên	10/05/2010	5,400,000,000	30%
6	Công ty CP Unithai Logistics Viet Nam	Hồ Chí Minh	29/02/2008	480,000,000	20%
	Tổng số:			15,944 tỷ đ.	

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn đầu tư dài hạn hoặc đầu tư dài hạn vào 3 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 9,5 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP ĐTXD Trung Hưng	Hà Nội	02/06/2010	-	-
2	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,000,000,000	4,17 %
3	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	4,500,000,000	3 %
	Tổng số:			9,5 tỷ đ.	

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
1	Tổng Cty Đầu tư và KD vốn Nhà nước	7.653.200	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	51%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	7.653.200	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
2	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.000.000	722 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.	Khai thác cảng container và các dịch vụ hàng hải

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VFR CHỐT NGÀY 18/3/2015

STT	Tổ chức	Cá nhân	Trong nước	Nước ngoài	Cổ đông lớn (từ 30.000 cổ phiếu trở lên)	Tổng số cổ đông
1	17	881	888	10	41	898

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT

Trụ sở chính: 74 Nguyễn Du, Hà Nội
Điện thoại: 04.38228915
Fax: 04.39423679
Website: www.vietfracht.com.vn

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 35 Minh Khai, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3745529
Fax: 031.3842276

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.38215809
Fax: 08.38216682
Website: www.vietfracht-hcm.com

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH

Địa chỉ: 51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN
Điện thoại: 033.3826697
Fax: 033.3825659

VIETFRACHT QUY NHƠN

Địa chỉ: 88 Mai Xuân Thưởng, TP. Quy Nhơn
Điện thoại: 056.3814589
Fax: 056.3822687

VIETFRACHT ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3823538
Fax: 0511.3897406
Website: www.vfv.com.vn

VIETFRACHT HƯNG YÊN

Address: Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 04.38228915 / máy lẻ 210
Fax: 04.38263978

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT

Địa chỉ: 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39106028
Fax: 08.39106027

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VN

Địa chỉ: Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 08.38210806 Fax: 08.38211050
Website: www.heung-a.co.kr

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU- HANSHIN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Hoà Mã, Phường Ngô Thì Nhậm,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.39420231
Fax: 04.39424909

CÔNG TY CP UNITHAI LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: 101 Đường Trần Trọng Cung, Phường
Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39146849 Fax: 08.39146849

CÔNG TY CP TÂN CẢNG VF

Địa chỉ: 16 Trương Quyền, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.38291331 Fax: 08.38279124
Website: www.vietfrachtlog.com.vn

CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.2608107
Fax: 08.35129471
Website: www.saigonnewport.com.vn

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

Address: Sân bay quốc tế Nội Bài,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 04.35840905
Fax: 04.35840906
Website: www.noibaicargo.com.vn

CÔNG TY CP IN VIỆN ĐÔNG

Address: Km 24, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 0321.3587587